

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-PT  
Ngày 19-3-2025  
*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Võ Văn Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Đoàn Thùy An – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST ngày 15-10-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐ-PT ngày 13-02-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐ-PT, ngày 11-3-2025 giữa các đương sự:

**\*/ Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị C; địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

**\*/ Bị đơn:**

1. Ông Võ Ngọc M; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Bình Định (Có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Ngọc M:* Anh Lê Duy K, sinh năm 1996 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/8/2024); địa chỉ: Tổ 6, Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

2. Bà Văn Thị Mỹ D; địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Ngọc M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:* Do là hàng xóm có mối quan hệ quen biết với

với ông M, bà D nên ngày 14/01/2020, bà C có cho gia đình ông M, bà D vay số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) để trả nợ tiền hàng hóa. Bà C và bà D viết giấy vay tiền không ấn định thời hạn trả nợ, lãi suất trả theo Ngân hàng. Sau đó, ông M, bà D ly hôn, bà C có yêu cầu trả nợ nhưng chưa đủ điều kiện giải quyết. Do đó, nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Võ Ngọc M và bà Văn Thị Mỹ D phải trả số tiền gốc 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi suất là 0,83% /tháng tính từ ngày vay ngày 14/01/2020 đến nay theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn ông Võ Ngọc M trình bày:* Sau khi ly hôn, ông M và bà D đã phân chia tài sản chung, nợ chung theo Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Đối với việc vay mượn số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) giữa bà C và bà D, ông M không biết và cũng không đồng ý trả nợ.

*Bị đơn bà Văn Thị Mỹ D trình bày:* Năm 2020, bà D có vay của bà C số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*), mục đích vay để trả nợ bạn hàng trong quá trình làm ăn và đưa riêng cho ông Võ Ngọc M 85.000.000đ (*tám mươi lăm triệu đồng*) để cho bà nội trả tiền công thợ xây nhà, việc vay mượn ông M có biết. Đến nay, bà và ông M chưa trả được nợ cho bà C. Bà D đồng trả ½ số nợ gốc, lãi theo thỏa thuận, số còn lại ông M phải trả theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST ngày 15-10-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C đối với ông Võ Ngọc M và bà Văn Thị Mỹ D; buộc ông Võ Ngọc M phải trả cho bà Hoàng Thị C số tiền 126.686.600 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng*), trong đó có 86.000.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu đồng*) tiền gốc và 40.686.600 đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*) tiền lãi; buộc bà Văn Thị Mỹ D phải trả cho bà Hoàng Thị C số tiền 315.243.400 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*), trong đó có 214.000.000 đồng (*Hai trăm mười bốn triệu đồng*) tiền gốc và 101.243.400 đồng (*Một trăm linh một triệu hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm đồng*) tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C đối với ông Võ Ngọc M phải có nghĩa vụ trả 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 04-11-2024, ông Võ Ngọc M kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C buộc ông Võ Ngọc M phải trả nợ.

Tại phiên tòa người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C buộc ông Võ Ngọc M phải trả nợ đối với số tiền bà D đã vay của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc M, Tuy nhiên cũng cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST ngày 15-10-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo hướng buộc ông Võ Ngọc M phải có nghĩa vụ trả 40%, bà Văn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả 60% số nợ gốc 300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất tương ứng cũng như phần án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ được tranh tụng công khai tại phiên tòa, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Ngọc M nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc M, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ngày 14/01/2020, bị đơn bà Văn Thị Mỹ D có vay của bà Hoàng Thị C số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), hai bên viết giấy vay nợ và thỏa thuận lãi suất theo mức lãi suất của ngân hàng, mục đích vay tiền là để làm ăn, chi tiêu trong gia đình. Cụ thể, cuối năm 2019 (âm lịch) bà D trả tiền hàng cá, mực, các loại đồ khô...60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị B; thanh toán tiền hàng 30.000.000 đ (*ba mươi triệu đồng*) cho chị Hoàng Thị Ngọc V, 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) cho bà Đoàn Thị Mỹ H, 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) cho chị Huỳnh Thị L và trả tiền toa hàng 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) cho anh Lê Hiếu T; tổng các khoản bà D trả 215.000.000đ (*hai trăm mười lăm triệu đồng*), còn lại số tiền 85.000.000đ (*tám mươi lăm triệu đồng*) bà D đưa ông M cho bà nội trả tiền công thợ xây nhà. Lời khai của bà D phù hợp với nội dung trong Bản án phúc thẩm số: 01/2024/HNGĐ-PT, ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, tại thời điểm bà D vay tiền của bà C thì bà D và ông M đang là vợ chồng hợp pháp, khoản vay của bà D nhằm mục đích kinh doanh buôn bán, trả nợ chung của gia đình. Tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản đối với nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 215.000.000đ (*hai trăm mười lăm triệu đồng*) là khoản nợ chung của ông M và bà D nên cần buộc ông M phải chịu nghĩa vụ trả nợ chung với bà D là phù hợp. Đối với khoản tiền 85.000.000 đ (*tám mươi lăm triệu đồng*) bà D cho rằng đưa ông M gửi bà nội (mẹ ruột ông M) để trả tiền công thợ xây nhà, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ riêng của bà D là không có căn cứ, bởi lẽ, khoản tiền 85.000.000 đồng

nằm trong khoản tiền 300.000.000đ bà D vay của bà C trong thời kỳ hôn nhân nhằm mục đích kinh doanh buôn bán, tạo lập tài sản chung trong gia đình và đã được xác định là nợ chung trong bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, số tiền 85.000.000đ này cũng phải được xem là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và ông M cũng có trách nhiệm trả nợ mới phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc M. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã có sai sót trong việc đánh giá chứng cứ nên cần phải sửa Bản án sơ thẩm buộc ông Võ Ngọc M và bà Văn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 300.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị C. Từ năm 2020 đến nay ông M và bà D không trả tiền cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, bà D, ông M phải trả tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh cho bà C tương ứng với giá trị tài sản được nhận. Bà D phải chịu 60% số nợ gốc và lãi suất phát sinh, ông M phải chịu 40% số nợ gốc và lãi suất phát sinh. Cụ thể như sau:

Bà Văn Thị Mỹ D chịu 60% của số tiền 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh là  $180.000.000 + (180.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 57 \text{ tháng}) = 265.158.000\text{đ}$ .

Ông Võ Ngọc M phải chịu 40% của số tiền 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh là  $120.000.000 + (120.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 57 \text{ tháng}) = 176.772.000\text{đ}$ .

Do có thay đổi số tiền phải trả nên án phí dân sự sơ thẩm cũng điều chỉnh cho phù hợp.

[3]. Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận, nhưng do bản án bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Ngọc M, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST, ngày 15-10-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C đối với ông Võ Ngọc M và bà Văn Thị Mỹ D.

1. Buộc ông Võ Ngọc M phải trả cho bà Hoàng Thị C số tiền 176.772.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), trong đó

120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và 56.772.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền lãi.

2. Buộc bà Văn Thị Mỹ D phải trả cho bà Hoàng Thị C số tiền 265.158.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*), trong đó 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và 85.158.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2024/QĐ-BPKCTT, ngày 08/8/2024 “*Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng*” quy định tại khoản 10 Điều 114 và Điều 124 của Bộ luật tố tụng dân sự, Phong tỏa tài khoản số 050154539147 của ông Võ Ngọc M mở tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Đắc Mil với số tiền bị phong tỏa là 700.000.000 đồng để bảo đảm cho việc thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Ngọc M phải nộp 8.838.600 đồng (*Tám triệu tám trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm đồng*); Bà Văn Thị Mỹ D phải nộp 13.257.900 đồng (*Mười ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm đồng*); Trả lại cho bà Hoàng Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.490.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005810 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Ngọc M không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Võ Ngọc M 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 00088941 ngày 06/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp.HCM ;
- VKSND tỉnh Đắk Nông ;
- TAND huyện Đắc Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thế Hạnh**